

CÔNG TY CỔ PHẦN
NƯỚC SẠCH QUẢNG NINH

Số: 1885 /CBTT-CTN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Hạ Long, ngày 11 tháng 7 năm 2025

CÔNG BỐ THÔNG TIN

V/v Ký hợp đồng soát xét và kiểm toán báo cáo tài chính năm 2025

Kính gửi:

- Ủy ban Chứng khoán Nhà nước;
- Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội.

Công ty: CÔNG TY CỔ PHẦN NƯỚC SẠCH QUẢNG NINH

Mã chứng khoán: NQN

Trụ sở: Số 449 đường Nguyễn Văn Cừ, phường Hạ Long, tỉnh Quảng Ninh.

Điện thoại: 0203 3835733

Người thực hiện công bố thông tin: Vũ Văn Tuấn

Địa chỉ: Số 449 đường Nguyễn Văn Cừ, phường Hạ Long, tỉnh Quảng Ninh.

Điện thoại: 0203 3820 591

Loại thông tin công bố: [x] 24 giờ.

Nội dung thông tin công bố:

Ngày 10/7/2025, Công ty cổ phần Nước sạch Quảng Ninh đã ký Hợp đồng soát xét và kiểm toán báo cáo tài chính số 01/2025/CTN-AASC với Công ty TNHH Kiểm toán AASC.

Thông tin này được công bố trên trang thông tin điện tử của Công ty: <http://www.quawaco.com.vn> vào ngày 11/7/2025.

Chúng tôi xin cam kết các thông tin công bố trên là đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung các thông tin đã công bố./.

Nơi nhận:

- Như trên (cbtt);
- HĐQT, BKS;
- Phòng CCD (đăng website);
- Lưu: VT, TK1.

Người thực hiện công bố thông tin
NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT
CHỦ TỊCH HĐQT



Vũ Văn Tuấn

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Hà Long, ngày 10 tháng 7 năm 2025

HỢP ĐỒNG SOÁT XÉT VÀ KIỂM TOÁN BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Số: 01/2025/CTN-AASC

**Gói thầu: Dịch vụ kiểm toán Báo cáo tài chính
của Công ty cổ phần Nước sạch Quảng Ninh năm 2025**

I. CÁC CĂN CỨ PHÁP LÝ

- Căn cứ Bộ luật dân sự số 91/2015/QH13 ngày 24/11/2015;
- Căn cứ vào Luật Thương mại số 36/2005/QH11 đã được Quốc hội nước Cộng hoà Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam khóa XI, kỳ họp thứ 7 thông qua ngày 14 tháng 06 năm 2005 và được sửa đổi, bổ sung tại văn bản hợp nhất Luật Thương mại số 17/VBHN-VPQH ngày 05 tháng 07 năm 2019 của Văn phòng Quốc hội;
- Căn cứ vào Luật Kiểm toán độc lập số 67/2011/QH12 đã được Quốc hội nước Cộng hoà Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam khóa XII, kỳ họp thứ 9 thông qua ngày 29 tháng 03 năm 2011 và được sửa đổi, bổ sung tại văn bản hợp nhất Luật kiểm toán độc lập số 17/VBHN-VPQH ngày 26 tháng 02 năm 2025 của Văn phòng Quốc hội;
- Căn cứ Nghị định 17/2012/NĐ - CP ngày 13/3/2012 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật kiểm toán độc lập và Nghị định số 95/2025/NĐ-CP ngày 14 tháng 04 năm 2025 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 17/2012/NĐ-CP;
- Căn cứ Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam số 210 - Hợp đồng kiểm toán (Ban hành kèm theo Thông tư số 214/2012/TT-BTC ngày 06/12/2012 của Bộ Tài chính);
- Căn cứ Chuẩn mực Việt Nam về hợp đồng dịch vụ soát xét 2410 – Soát xét thông tin tài chính giữa niên độ do kiểm toán viên độc lập của đơn vị thực hiện (Ban hành kèm theo Thông tư số 65/2015/TT-BTC ngày 08/05/2015 của Bộ Tài chính);
- Căn cứ Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam số 510 – Kiểm toán năm đầu tiên – Số dư đầu kỳ;
- Căn cứ Giấy uỷ quyền số 189/UQ.CTN ngày 06/01/2025 của Công ty Cổ phần Nước sạch Quảng Ninh;
- Căn cứ Quyết định số 01/PDKQCĐT/QĐ-CTN ngày 9 /7/2025 của Công ty cổ phần nước sạch Quảng Ninh về việc phê duyệt kết quả chỉ định thầu gói thầu: Dịch vụ kiểm toán Báo cáo tài chính của Công ty cổ phần Nước sạch Quảng Ninh năm 2025.



PHẦN 2 - CÁC ĐIỀU KHOẢN VÀ ĐIỀU KIỆN CỦA HỢP ĐỒNG

Hôm nay, ngày 10 tháng 7 năm 2025 tại Trụ sở Công ty Cổ phần Nước sạch Quảng Ninh, chúng tôi gồm các bên dưới đây:

CHỦ ĐẦU TƯ (BÊN A) : CÔNG TY CỔ PHẦN NƯỚC SẠCH QUẢNG NINH

Đại diện là: **Ông Hoàng Ngọc Hà** Chức vụ: **Tổng giám đốc**

Địa chỉ: Số 449 đường Nguyễn Văn Cừ, phường Hạ Long, tỉnh Quảng Ninh

Tài Khoản: 111 000 010 511 tại Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam – chi nhánh Quảng Ninh.

Mã số thuế: 57 001 001 04

Điện thoại: 02033 835 733

Fax: 02033 835 796

NHÀ THẦU (BÊN B) : CÔNG TY TNHH HĂNG KIỂM TOÁN AASC

Đại diện là: **Ông Phạm Anh Tuấn** Chức vụ: **Phó Tổng Giám đốc**

(Theo Giấy ủy quyền số 020125.007/UQ.TH ngày 02/01/2025 của Tổng Giám đốc Công ty TNHH Hăng Kiểm toán AASC)

Địa chỉ: Số 01 phố Lê Phụng Hiểu, phường Hoàn Kiếm, Thành phố Hà Nội

Tài khoản: 030.100.968.9689 tại Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Hoàn Kiếm

Mã số thuế: 01 00 1111 05

Điện thoại: 0243 8241 990

Fax: 0243 8253973

Cùng nhau thống nhất ký hợp đồng với nội dung như sau:

ĐIỀU 1: NỘI DUNG CÔNG VIỆC HỢP ĐỒNG

Bên B cung cấp cho Bên A các dịch vụ sau:

- Dịch vụ soát xét Báo cáo tài chính cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2025 đến ngày 30/06/2025. Dịch vụ soát xét được thực hiện với mục tiêu đưa ra kết luận về Báo cáo tài chính của Bên A.

- Kiểm toán Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2025. Dịch vụ kiểm toán được thực hiện với mục tiêu đưa ra ý kiến kiểm toán về Báo cáo tài chính của Bên A.

Các Báo cáo tài chính được soát xét và kiểm toán bằng tiếng Việt và tiếng Anh bao gồm: Bảng cân đối kế toán tại ngày kết thúc kỳ kế toán, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ và Bản thuyết minh Báo cáo tài chính cho kỳ kế toán kết thúc cùng ngày.

ĐIỀU 2: TRÁCH NHIỆM CỦA CÁC BÊN

2.1. Trách nhiệm của bên A:

Cuộc soát xét và kiểm toán của Bên B sẽ được thực hiện trên cơ sở Ban Giám đốc và Ban quản trị của bên A hiểu và thừa nhận có trách nhiệm:

a. Đối với việc lập và trình bày báo cáo tài chính trung thực và hợp lý, phù hợp với các chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến lập và trình bày báo cáo tài chính được áp dụng.

b. Đối với kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính không còn sai sót trọng yếu do gian lận hoặc do nhầm lẫn.

c. Đảm bảo cung cấp kịp thời cho bên B:

- Quyền tiếp cận với tất cả tài liệu, thông tin mà Ban Giám đốc nhận thấy là có liên quan đến quá trình lập và trình bày báo cáo tài chính như chứng từ kế toán, sổ kế toán, tài liệu và các vấn đề khác kể cả thông tin của đơn vị thành viên, bao gồm các tài liệu, hồ sơ kiểm toán có liên quan mà bên B yêu cầu.

- Các thông tin bổ sung mà kiểm toán viên và doanh nghiệp kiểm toán yêu cầu Ban Giám đốc cung cấp hoặc giải trình để phục vụ cho mục đích của cuộc soát xét và kiểm toán.

- Quyền tiếp cận không hạn chế đối với nhân sự của bên A mà kiểm toán viên và doanh nghiệp kiểm toán xác định là cần thiết để thu thập bằng chứng soát xét và kiểm toán. Bố trí nhân sự liên quan cùng làm việc với bên B trong quá trình soát xét và kiểm toán.

- Quyền tiếp cận không hạn chế đối với nhân sự của bên A mà kiểm toán viên và bên B xác định là cần thiết để thu thập bằng chứng kiểm toán và soát xét. Bố trí nhân sự liên quan cùng làm việc với bên B trong quá trình kiểm toán và soát xét.

- Quyền tiếp cận, trao đổi không hạn chế đối với kiểm toán viên tiền nhiệm (bao gồm việc soát xét giấy làm việc của kiểm toán viên tiền nhiệm) hoặc tạo điều kiện cho kiểm toán viên thu thập bằng chứng liên quan đến số dư đầu kỳ.

Ban Điều hành của bên A có trách nhiệm cung cấp cho bên B văn bản giải trình về các thông tin đã cung cấp cho bên B trong quá trình soát xét và kiểm toán thông qua “Thư giải trình của Ban Giám đốc”, một trong những yêu cầu của chuẩn mực kiểm toán Việt Nam, trong đó nêu rõ trách nhiệm của Ban Giám đốc bên A trong việc lập và trình bày báo cáo tài chính và khẳng định rằng ảnh hưởng của từng sai sót, cũng như tổng hợp các sai sót không được điều chỉnh do bên B phát hiện và tổng hợp trong quá trình soát xét và kiểm toán cho kỳ hiện tại và các sai sót liên quan đến các kỳ trước là không trọng yếu đối với tổng thể báo cáo tài chính được soát xét/kiểm toán.

Bố trí địa điểm làm việc và tạo điều kiện thuận tiện cho các nhân viên của bên B trong quá trình làm việc tại Văn phòng của bên A.

Thanh toán đầy đủ phí dịch vụ kiểm toán và các phí khác (nếu có) cho bên B theo quy định của hợp đồng này.

2.2. Trách nhiệm của bên B:

Trách nhiệm của bên B với công việc kiểm toán:

Bên B sẽ thực hiện công việc kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam, pháp luật và các quy định có liên quan. Các chuẩn mực kiểm toán này quy định bên B phải tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, phải lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính, xét trên phương diện tổng thể, có còn sai sót trọng yếu hay không. Trong cuộc kiểm toán, bên B sẽ thực hiện các thủ tục để thu thập bằng chứng kiểm toán về số liệu và thông tin trình bày trong báo cáo tài chính. Các thủ tục được thực hiện tùy thuộc vào đánh giá của kiểm toán viên, bao gồm việc đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hoặc do nhầm lẫn. Cuộc kiểm toán cũng bao gồm việc đánh giá sự phù hợp của các chính sách kế toán đã được sử dụng và các ước tính kế toán của Ban Giám đốc, cũng như đánh giá cách trình bày tổng quát của báo cáo tài chính.

Trách nhiệm của bên B với công việc soát xét:

Bên B sẽ thực hiện công việc soát xét theo Chuẩn mực Việt Nam về hợp đồng dịch vụ soát xét số 2410 - Soát xét thông tin tài chính giữa niên độ do kiểm toán viên độc lập của đơn vị thực hiện với mục đích tạo cơ sở để Bên B báo cáo xem liệu Bên B có nhận thấy vấn đề gì khiến Bên B cho rằng báo cáo tài chính giữa niên độ đã không được lập và trình bày, trên các khía cạnh trọng yếu, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ hay không.

Công việc soát xét của Bên B bao gồm các cuộc phỏng vấn, chủ yếu là đối với những người chịu trách nhiệm về các vấn đề tài chính, kế toán, và áp dụng các thủ tục phân tích và các thủ tục soát xét khác và thông thường không bao gồm việc chứng thực các thông tin thu thập được. Phạm vi công việc soát xét báo cáo tài chính giữa niên độ về cơ bản hẹp hơn phạm vi của một cuộc kiểm toán báo cáo tài chính được thực hiện theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam nhằm đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính. Do đó, Bên B không đưa ra ý kiến kiểm toán về báo cáo tài chính giữa niên độ được soát xét.

Dịch vụ soát xét thông tin tài chính giữa niên độ không nhằm cung cấp sự đảm bảo rằng Bên B sẽ có thể nhận biết được toàn bộ các vấn đề trọng yếu chỉ có thể xác định được bằng một cuộc kiểm toán. Ngoài ra, công việc soát xét của bên B không được xem là căn cứ nhằm phát hiện các gian lận, nhầm lẫn hay các hành vi vi phạm pháp luật. Tuy nhiên, Bên B sẽ thông báo cho Bên A về bất kỳ vấn đề trọng yếu nào mà Bên B phát hiện được.

Trách nhiệm chung của bên B với công việc soát xét và kiểm toán:

Bên B có trách nhiệm thông báo cho bên A về nội dung và kế hoạch soát xét và kiểm toán, cử kiểm toán viên và các trợ lý có năng lực và kinh nghiệm thực hiện soát xét và kiểm toán.

Bên B thực hiện công việc soát xét và kiểm toán theo nguyên tắc độc lập, khách quan và bảo mật số liệu. Theo đó bên B không được quyền tiết lộ cho bất kỳ một bên thứ ba nào mà không có sự đồng ý của bên A, ngoại trừ theo yêu cầu của pháp luật và các quy định có liên quan, hoặc trong trường hợp những thông tin như trên đã được các cơ quan quản lý Nhà nước phổ biến rộng rãi hoặc đã được bên A công bố.

Bên B có trách nhiệm yêu cầu bên A xác nhận các giải trình đã cung cấp cho bên B trong quá trình thực hiện soát xét và kiểm toán. Theo chuẩn mực kiểm toán Việt Nam và chuẩn mực Việt Nam về hợp đồng dịch vụ soát xét số 2410 - Soát xét thông tin tài chính giữa niên độ do kiểm toán viên độc lập của đơn vị thực hiện, việc đáp ứng các yêu cầu này và Thư giải trình của Ban Giám đốc bên A về những vấn đề liên quan là một trong những cơ sở để bên B đưa ra ý kiến hoặc kết luận của mình về báo cáo tài chính của bên A.

Do những hạn chế vốn có của kiểm toán cũng như của kiểm soát nội bộ, có rủi ro khó tránh khỏi là kiểm toán viên có thể không phát hiện được các sai sót trọng yếu, mặc dù cuộc soát xét và kiểm toán đã được lập kế hoạch và thực hiện theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam.

Để đánh giá rủi ro, bên B sẽ xem xét kiểm soát nội bộ mà bên A sử dụng trong quá trình lập báo cáo tài chính để thiết kế các thủ tục soát xét và kiểm toán phù hợp trong từng trường hợp, nhưng không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về tính hữu hiệu của kiểm soát nội bộ của bên A. Tuy nhiên, bên B sẽ thông báo tới bên A bằng văn bản về bất kỳ khiếm khuyết nào trong kiểm soát nội bộ mà bên B phát hiện được trong quá trình soát xét và kiểm toán báo cáo tài chính.

ĐIỀU 3: BÁO CÁO SOÁT XÉT VÀ BÁO CÁO KIỂM TOÁN

Báo cáo soát xét:

Sau khi kết thúc công tác soát xét, bên B sẽ cung cấp cho bên A 09 bộ Báo cáo soát xét kèm theo Báo cáo tài chính đã được soát xét bằng tiếng Việt và 05 bộ Báo cáo soát xét kèm theo Báo cáo tài chính đã được soát xét bằng tiếng Anh. Trong đó: Bên B giữ 01 bản, bên A giữ số bản còn lại và 02 bộ thư quản lý (nếu có) đề cập đến các thiếu sót cần khắc phục và các đề xuất của kiểm toán viên nhằm hoàn thiện hệ thống kế toán và hệ thống kiểm soát nội bộ của Bên A, mỗi bên giữ 01 bản.

Báo cáo soát xét kèm theo báo cáo tài chính giữa niên độ sẽ được lập bằng văn bản, gồm các nội dung theo quy định của Chuẩn mực Việt Nam về hợp đồng dịch vụ soát xét số 2410 - Soát xét thông tin tài chính giữa niên độ do kiểm toán viên độc lập của đơn vị thực hiện, pháp luật và quy định có liên quan.

HẠN
DÁN

Báo cáo kiểm toán:

Sau khi kết thúc kiểm toán, bên B sẽ cung cấp cho bên A 09 bộ Báo cáo kiểm toán kèm theo báo cáo tài chính đã được kiểm toán bằng tiếng Việt, 05 bộ Báo cáo kiểm toán kèm theo báo cáo tài chính đã được kiểm toán bằng tiếng Anh, Trong đó: Bên B giữ 01 bản, bên A giữ số bản còn lại và 02 bộ thư quản lý (nếu có) đề cập đến các thiếu sót cần khắc phục và các đề xuất của kiểm toán viên nhằm hoàn thiện hệ thống kế toán và hệ thống kiểm soát nội bộ của Bên A, mỗi bên giữ 01 bản.

Báo cáo kiểm toán sẽ được lập bằng văn bản, gồm các nội dung theo quy định của Luật Kiểm toán độc lập, Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam số 700 và các chuẩn mực kiểm toán và quy định pháp lý khác có liên quan.

Công bố báo cáo soát xét, báo cáo kiểm toán Báo cáo tài chính đã được soát xét, kiểm toán:

Trong trường hợp bên A dự định phát hành Báo cáo soát xét, Báo cáo kiểm toán của bên B dưới bất kỳ dạng tài liệu nào, hoặc phát hành các tài liệu trong đó có các thông tin về báo cáo tài chính đã được soát xét hoặc kiểm toán, bên A cam kết sẽ đính kèm Báo cáo soát xét hoặc Báo cáo kiểm toán với các tài liệu đó và chỉ phổ biến rộng rãi các tài liệu này sau khi có sự đồng ý của bên B bằng văn bản.

ĐIỀU 4: ĐỊA ĐIỂM, THỜI GIAN THỰC HIỆN HỢP ĐỒNG VÀ ĐIỀU CHỈNH THỜI GIAN THỰC HIỆN HỢP ĐỒNG

4.1. Địa điểm thực hiện: Trụ sở văn phòng - Công ty Cổ phần Nước sạch Quảng Ninh, số 449 đường Nguyễn Văn Cừ, phường Hạ Long, tỉnh Quảng Ninh.

4.2. Thời gian thực hiện hợp đồng: 250 ngày kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực. Tiến độ cụ thể như sau:

Bên B sẽ thực hiện soát xét và kiểm toán Báo cáo tài chính cho Bên A: Dự kiến soát xét từ ngày 21/7/2025 và phát hành báo cáo trước ngày 15/8/2025 (trừ thứ Bảy và Chủ nhật); Kiểm toán từ ngày 22/01/2026 và phát hành báo cáo trước ngày 31/3/2026 (trừ thứ Bảy và Chủ nhật).

4.3. Điều chỉnh thời gian thực hiện hợp đồng: Trong thời gian thực hiện hợp đồng, trường hợp Bên B hoặc Bên A gặp khó khăn dẫn đến chậm trễ thời gian thực hiện hợp đồng thì một bên phải thông báo cho bên kia biết, đồng thời nêu rõ lý do cùng thời gian dự tính kéo dài. Sau khi nhận được thông báo kéo dài thời gian của một bên, bên kia sẽ xem xét. Trường hợp chấp thuận gia hạn hợp đồng, các bên sẽ thương thảo và ký kết Phụ lục hợp đồng để gia hạn thời gian thực hiện. Việc gia hạn thời gian thực hiện hợp đồng không làm tăng giá hợp đồng.

ĐIỀU 5: HÌNH THỨC HỢP ĐỒNG, GIÁ HỢP ĐỒNG VÀ THANH TOÁN HỢP ĐỒNG

5.1. Hình thức Hợp đồng: Hợp đồng trọn gói.

5.2. Giá hợp đồng: **329.400.000 đồng** (Bằng chữ: Ba trăm hai chín triệu bốn trăm nghìn đồng chẵn./.).

Giá hợp đồng đã bao gồm thuế giá trị gia tăng 8% và toàn bộ các loại phí, lệ phí, thuế liên quan đến công việc theo quy định của Nhà nước để hoàn thành hợp đồng.

Trong trường hợp mức thuế Giá trị gia tăng tại thời điểm xuất hóa đơn khác 8%, hai bên sẽ sử dụng mức phí dịch vụ chưa bao gồm thuế Giá trị gia tăng là: **305.000.000 VNĐ** (Bằng chữ: Ba trăm linh năm triệu đồng./.) để xác định giá trị trước thuế giá trị gia tăng cho việc xuất hóa đơn.

5.3. Tạm ứng: Sau khi ký hợp đồng, Bên A tạm ứng cho Bên B 50% giá hợp đồng tương ứng với số tiền là **164.700.000 đồng** (Bằng chữ: Một trăm sáu mươi tư triệu bảy trăm nghìn đồng chẵn./.).

5.4. Thanh toán giai đoạn: Không áp dụng.

5.5. Thanh toán khi quyết toán Hợp đồng: Sau khi Bên B phát hành Báo cáo kiểm toán, Bên A nghiệm thu công việc hoàn thành theo hợp đồng (nghiệm thu báo cáo kiểm toán báo cáo tài chính của bên A), Bên A sẽ thanh toán cho Bên B 100% giá trị quyết toán hợp đồng (trừ số tiền Bên A đã tạm ứng cho Bên B). Hồ sơ thanh toán hợp lệ gồm:

- + Biên bản nghiệm thu công việc hoàn thành tư vấn;
- + Bảng xác nhận khối lượng công việc hoàn thành theo Hợp đồng;
- + Bảng tổng hợp giá trị quyết toán hợp đồng;
- + Bảng tính giá trị đề nghị thanh toán;
- + Giấy đề nghị thanh toán của Bên B được Bên A chấp nhận;
- + Hóa đơn GTGT hợp lệ theo quy định của Bộ tài chính Việt Nam.

5.6. Đồng tiền và hình thức thanh toán:

- Đồng tiền thanh toán: đồng tiền Việt Nam (VNĐ).
- Hình thức thanh toán: Thanh toán bằng hình thức chuyển khoản theo tài khoản của Bên B ghi trong hợp đồng.

ĐIỀU 6: CAM KẾT THỰC HIỆN

- Hai Bên cam kết thực hiện tất cả các điều khoản đã ghi trong Hợp đồng. Trong quá trình thực hiện, nếu phát sinh vướng mắc, hai Bên phải kịp thời thông báo cho nhau để cùng tìm phương án giải quyết. Mọi thay đổi phải được thông báo trực tiếp cho mỗi Bên Bằng văn bản;

- Khi có tranh chấp phát sinh trong quá trình thực hiện Hợp đồng, các bên sẽ cố gắng thương lượng để giải quyết bằng biện pháp hòa giải;

- Trường hợp thương lượng không có kết quả thì trong vòng 15 ngày kể từ ngày phát sinh tranh chấp Hợp đồng không thể hòa giải, các bên cùng gửi vấn đề lên Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Ninh theo quy định của Nhà nước. Quyết định Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Ninh là quyết định cuối cùng và có tính chất bắt buộc với các bên;

- Chi phí cho việc giải quyết tranh chấp: Bên thua sẽ chịu hoàn toàn.

ĐIỀU 7: HIỆU LỰC HỢP ĐỒNG, THANH LÝ HỢP ĐỒNG

- Hợp đồng có hiệu lực kể từ ngày hai bên ký kết hợp đồng. Sau khi hai bên đã hoàn thành các nghĩa vụ theo hợp đồng, hai bên tiến hành thanh lý hợp đồng theo quy định.

- Hợp đồng này được viết bằng tiếng Việt và được lập thành 06 (sáu) bản có giá trị pháp lý như nhau, Bên A giữ 05 (năm) bản, Bên B giữ 01 (một) bản.

**ĐẠI DIỆN BÊN A
TỔNG GIÁM ĐỐC**



Hoàng Ngọc Hà

**ĐẠI DIỆN BÊN B
PHÓ TỔNG GIÁM ĐỐC**



Phạm Anh Tuấn